

TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ

(Trích Chinh phụ ngâm)

- Đặng Trần Côn

I. KIẾN THỨC CHUNG

- **Đặng Trần Côn**, sống vào khoảng nửa đầu thế kỷ XVIII. Ông là một người hiếu học, tài hoa, tính tình phóng túng. Vào đầu thời Lê Hiến Tông, có nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra quanh thành Thăng Long. Triều đình cất quân đánh dẹp, nhiều trai tráng phải từ giã người thân ra trận. Đặng Trần Côn cảm động trước nỗi khổ đau, mất mát của con người, nhất là người vợ lính trong chiến tranh nên đã viết Chinh phụ ngâm.

- Đoạn trích ***Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*** là đoạn trích tiêu biểu trong Chinh phụ ngâm, diễn tả tình cảnh và tâm trạng người chinh phụ phải sống cô đơn, buồn khổ trong thời gian người chồng đi đánh trận, không có tin tức, không rõ ngày trở về.

- **Bố cục đoạn trích:** 2 phần

+ 16 câu đầu: Tình cảnh lẻ loi, cô đơn của người chinh phụ

+ 8 câu cuối: Nỗi thương nhớ chồng nơi chiến trận.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hoàn cảnh cô đơn, lẻ loi của người chinh phụ (16 câu đầu)

a. Tâm trạng lẻ loi, cô đơn được miêu tả qua những hành động lặp đi lặp lại (4 câu đầu)

- Đoạn thơ đã mở ra trước mắt người đọc một không gian chật hẹp, nơi hiên vắng lặng, người chinh phụ đang cố gắng vượt qua sự cô đơn trống vắng khi người chồng đã đi xa.

- Hành động: *dạo hiên, gieo từng bước, ngồi, rủ thác đòi phen* (buông rèm xuống cuống rèm lên nhiều lần). → lặp đi lặp lại nhiều lần không chủ đích.

- “...*thước chẳng mách tin*”: *Thước* là chim khách, loài chim báo tin lành → chờ đợi, hi vọng, trông ngóng tin tức tốt đẹp của chồng ở phương xa, nhưng vẫn bật vô âm tín.

- Biện pháp Đối lập (*trong rèm > < ngoài rèm*), câu hỏi tu từ (*Trong rèm...đèn biết chăng?*) → khắc họa tâm trạng rối bời ngổn ngang.

=> **Tâm trạng cô đơn, khắc khoải trong tâm trí người chinh phụ.**

b. Tâm trạng trần trọc, bồn chồn, thao thức giữa đêm khuya, trong căn phòng vắng (4 câu tiếp theo)

- Những từ ngữ: *có biết, chẳng biết, bi thiết, buồn rầu, khá thương* → Cụ thể tả cảm giác cô đơn và khát khao được đồng cảm.

+ “*Bi thiết*” là bi thương, thảm thiết, đau đớn không nói thành lời. → khát khao được thấu hiểu.

+ “*Thiết tha*” theo nghĩa Hán Việt là *cắt, mài* → Nỗi đau nằng chôn giấu, kìm nén lại của trái tim cô đơn, tủi buồn của nàng những vết cắt sâu nhức nhối.

- Hình ảnh: “*đèn*” đã từng xuất hiện trong văn chương: ca dao có câu “*Đèn thương nhớ ai/ Mà đèn không tắt?*” → chỉ nỗi nhớ thương da diết của cô gái với người yêu. Trong “Chuyện người con gái Nam Xương” → hình ảnh ngọn đèn dầu để gợi sự cô đơn của Vũ Nương khi Trương Sinh đi đánh trận.

- Trong đoạn trích, hình tượng ***ngọn đèn, hoa đèn*** ẩn dụ cho thời gian trôi nhanh, cho sự tàn lụi, héo hon của kiếp người. → cuộc đời chỉ là kiếp hoa đèn mong manh đang dở.

- Điệp ngữ bắt đầu “*Đèn có biết... chẳng biết*” là một lời than thở, là nỗi khắc khoải triền miên.
=> Suy tư rối bời, tâm trạng héo mòn chạm đến trái tim người đọc. Qua đó, cho thấy sự đồng cảm sâu sắc ở tác giả và dịch giả với số phận của người phụ nữ có chồng tham gia chiến tranh phi nghĩa.

c. Tâm trạng trống trải cô độc hiện lên qua cảnh vật bên ngoài căn phòng (4 câu tiếp theo)

- Tiếng gà “eo óc” gáy → tăng sự vắng vẻ, tĩnh mịch của không gian.
- Hình ảnh cây hoè “*phát phơ*” rũ bóng trong đêm gợi cảm giác hoang vắng, thể hiện nỗi cô đơn đến đáng sợ.
- Biện pháp so sánh, sử dụng từ láy: *Khắc giờ đằng đằng như niên*, *Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa*

+ *Đằng đằng*: diễn tả tâm trạng chắt chùng, chứa đầy sức nặng của thời gian mong nhớ.

+ *Dằng dặc*: diễn tả nỗi sầu lê thê, mênh mông, vô tận.

→ diễn tả sự lặp lại của thời gian chờ đợi và nỗi sầu của người chinh phụ muộn bao trùm không gian, thời gian.

=> Không gian mênh mông, hiu quạnh của cảnh vật, lột tả đáng vẻ ảm đẽ, thiếu sức sống của người chinh phụ. Đồng thời, cho thấy cảm giác trống trải, lạnh lẽo đang chiếm lĩnh tâm hồn nàng.

d. Tâm trạng bất an, lo âu, phiền muộn được lột tả qua những hành động gượng gạo, miễn cưỡng (4 câu cuối)

- Từ ngữ: *gượng đốt hương, gượng soi gương, gượng gảy đàn, dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng* → thể hiện sự miễn cưỡng, gượng gạo, chán chường, hoang mang, lo sợ.

- Hình ảnh: hồn đà mê mải, lệ châu chan, dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng → Bộc lộ tâm trạng bất an, lo lắng.

- Điệp từ “gượng” lặp lại 3 lần → nhấn mạnh nỗi tuyệt vọng của người chinh phụ.

+ Sắt cầm: đàn sắt và đàn cầm hòa âm với nhau, tượng trưng cho cảnh vợ chồng hòa thuận.

+ Dây uyên: Uyên ương là biểu tượng cho lứa đôi gắn bó, hòa hợp.

+ Phím loan: Chim loan phượng cũng là biểu tượng cho tình yêu đôi lứa.

→ Khi cô đơn, lẻ loi, người chinh phụ chỉ gượng gảy đàn, nhưng nàng sợ dây đàn bị chùng hay bị đứt. Vì người xưa xem đó là điềm gở, báo hiệu sự không hay trong tình vợ chồng.

=> Tâm trạng lo lắng, bất an cho tình yêu và hạnh phúc lứa đôi cũng như sự an nguy của người chồng nơi chiến trận. Qua đó thể hiện niềm khát khao được sum vầy, đoàn tụ trong cảnh đời sống vợ chồng.

2. Nỗi thương nhớ chồng nơi chiến trận (8 câu còn lại)

a. Tấm lòng thủy chung của người chinh phụ:

- Câu hỏi tu từ: “*Lòng này gửi gió đông có tiện? Nghìn vàng xin gửi đến non Yên*” → khát khao được bày tỏ tình yêu nhớ với người chồng ngoài biên ải.

+ “Lòng này” là tấm lòng thủy chung đợi chờ.

+ “Nghìn vàng” (ẩn dụ): cho lòng thương nhớ, trân trọng → Tấm lòng của người chinh phụ với chồng là không thể đo đếm bằng vật chất.

- Người chinh phụ gom những yêu nhớ, thương xót vào gió đông, nhờ cơn gió mùa xuân ấm áp gửi tâm tư thầm kín của mình đến Non Yên.

+ Gió đông: gió từ phương đông, gió xuân

+ “Non yên” : nơi người chồng đi chinh chiến

- Câu hỏi tu từ “*Lòng này gửi gió đông có tiện?*” → nỗi băn khoăn, lo lắng của người vợ.

- Nỗi nhớ được so sánh với hình ảnh “*đường lên bằng trời*” đi cùng từ láy giàu giá trị gợi hình “*thăm thẳm*” → gợi ra độ sâu, độ rộng, độ xa, độ dài của không gian.

- Tính từ “*đau đầu*” gợi nỗi đau nhức nhối, âm ỉ, nỗi nhớ triền miên khôn nguôi của người chinh phụ.

- Từ láy “*thiết tha*” cho thấy nỗi buồn dai dẳng đeo bám lấy người chinh phụ, từng cô đơn, nhưng nhớ như mài cắt vào da thịt.

- Cảnh vật “*cành cây*”, “*sương*”, “*mưa*” đều thấm đượm nỗi bi ai, sầu khổ, khiến người phụ nữ nhỏ bé càng thêm cô độc, thiếu vắng.

=> Tình yêu, nỗi nhớ chồng của nàng được cụ thể hóa bằng sự bao la, mênh mông của vũ trụ.

III. TỔNG KẾT

a. Nội dung: Đoạn trích thể hiện nhiều cung bậc cảm xúc của người phụ nữ có chồng đi lính, đồng thời thể hiện khát khao được sống trong tình yêu, hạnh phúc lứa đôi.

b. Giá trị nhân đạo: “*Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*” hay “*Chinh phụ ngâm*” đã đề cao khát vọng về tình yêu chân chính, cao đẹp của người; phê phán chế độ phong kiến trong xã hội cũ với những cuộc chiến tranh phi nghĩa chia hủy hoại hạnh phúc gia đình.

c. Nghệ thuật: Các biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ, câu hỏi tu từ, ẩn dụ; các bút pháp ước lệ tượng trưng, tả cảnh ngụ tình; thêm đó nghệ thuật sử dụng từ ngữ gợi hình, gợi cảm, hệ thống tính từ chỉ cảm xúc, thể thơ song thất lục bát giàu âm điệu thiết tha réo rắt.